TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/DS-ST
Ngày: 13/6/2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám.
2. Bà Trần Thị Xuân Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đoan Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2024/TLST -DS ngày 22/10/2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS ngày 31/3/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2025/QĐST-DS ngày 06/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị P, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số 62 Trương Thị Xáng, khu phố 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 7, thôn Ngọc Sơn Tây, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(bà P, bà L đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị P trình bày: Vào ngày 24/4/2022 giữa bà và bà Nguyễn Thị L có lập hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng lô đất thửa số 172, tờ bản đồ số 28, diện tích 296m^2, tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện T với giá trị: 1.340.000.000 đồng. Theo hợp đồng đặt cọc bà L nhận cọc của bà số tiền 300.000.000 đồng và trong thời gian 180 ngày kể từ ngày 22/4/2022 đến ngày 22/10/2022 bên chuyển nhượng phải thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất tại Văn phòng Công chứng và bên mua phải hoàn trả số tiền còn lại. Nếu bên bán không thực hiện việc chuyển nhượng thì bên bán phải bồi thường cọc gấp 02 lần. Nhưng đến nay đã lâu bà L không làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà. Nay bà P yêu cầu bà L phải trả số tiền đã nhận cọc. Bà P không yêu cầu phạt cọc và tại phiên tòa bà P rút yêu cầu về tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận có lập hợp đồng đặt cọc ngày 24/4/2022 với bà Lương Thị P. Theo hợp đồng đặt cọc bà có nhận của bà P số tiền

300.000.000 đồng nhằm mục đích chuyển nhượng cho bà P thửa đất thửa số 172, tờ bản đồ số 28, diện tích 296m^2, tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện T với giá trị: 1.340.000.000 đồng. Sau khi nhận cọc của bà P, bà L có mang đi đặt cọc cho ông Võ Văn T, sinh năm: 1989, tú tại: Khu phố 7, thị trấn H, huyện T số tiền 400.000.000 đồng nhằm mục đích chuyển nhượng thửa đất nêu trên và sau đó bà chuyển nhượng lại cho bà P. Tuy nhiên, khi thực hiện thì thửa đất nêu trên không làm thủ tục được vì có tranh chấp và quy hoạch từ đất lúa. Nay bà P yêu cầu đòi cọc bà đồng ý trả lại tiền đã nhận cọc. Hiện nay bà cũng đang khởi kiện ông T tại Tòa án Thăng Bình, ông T trả tiền bà sẽ trả cho bà P.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định việc bà P và bà có lập hợp đồng đặt cọc là đúng. Trong quá trình hòa giải cũng như qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận nên không cần chứng minh. Căn cứ các tài liệu, có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền nhận cọc 300.000.000 đồng cho bà Lương Thị P. Nguyên đơn không yêu cầu phạt cọc nên không xét. Đối với yêu cầu tính lãi nguyên đơn đã rút tại phiên Tòa nên đề nghị áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án bà Lương Thị P yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà P số tiền nhận cọc 300.000.000 đồng. Bà P yêu cầu trả lại số tiền đã nhận cọc. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam và hợp đồng được lập tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án và các căn cứ xem xét đánh giá:

Bà Lương Thị P khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền nhận cọc 300.000.000 đồng (Bà trăm triệu đồng) và không yêu cầu phạt cọc, rút lại yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng đặt cọc và đã nhận số tiền đặt cọc. Bị đơn bà L thừa nhận việc không chuyển nhượng thửa đất vì lý do khách quan. Bị đơn thống nhất trả lại số tiền nhận cọc cho nguyên đơn.

Vì các bên đương sự đều thừa nhận việc có ký kết hợp đồng đặt cọc, có nhận tiền đặt cọc. Nguyên đơn cung cấp hợp đồng đặt cọc và giấy nhận tiền nên chứng cứ

chứng minh đảm bảo. Các bên đều thừa nhận không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng được vì lý do khách quan.

Nay nguyên đơn bà Lương Thị P yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền nhận cọc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là có căn cứ và đúng pháp luật theo Điều 328 Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về phạt cọc: Nguyên đơn bà Lương Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị P rút lại đối với yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyên Thị Lan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là: 15.000.000 đồng (Mườilăm triệu đồng).

Bà P được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xét.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 328; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L, về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc". Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho bà Lương Thị P số tiền nhận cọc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tại hợp đồng đặt cọc lập ngày 24/4/2022.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Nguyên đơn bà Lương Thị P được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xét.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Phùng Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN T **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH QUẢNG NAM

BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2025, vào hồi 15 giờ 00 phút

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Bắt đầu tiến hành phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lí số: 133/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024

I. Những người tiến hành tố tụng:

- Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải: Ông Đặng Phùng Thành
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên hòa giải: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

II. Những người tham gia phiên hòa giải:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị P, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số 62 Trương Thị Xáng, khu phố 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 7, thôn Ngọc Sơn Tây, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Nhân chứng: Ông Đoàn Văn Tiến, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 8, thôn Vân Tây, xã Bình Triều, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HÒA GIẢI

- Thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo: Nguyên đơn bà P, bị đơn bà L có mặt, ông Tiến có mặt.

- Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hòa giải

- Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lí của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Nguyên đơn bà Lương Thị P trình bày nội dung khởi kiện như sau: Vào ngày 24/4/2022 tôi và bà Nguyễn Thị L có lập hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng cho tôi lô đất thửa số 172, tờ bản đồ số 28, diện tích 296m^2, tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện T với giá trị: 1.340.000.000 đồng. Theo hợp đồng đặt cọc bà L nhận cọc của tôi số tiền 300.000.000 đồng và trong thời gian 180 ngày kể từ ngày 22/4/2022 đến ngày 22/10/2022 bên chuyển nhượng phải thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất tại Văn phòng Công chứng và bên mua phải hoàn trả số tiền còn lại. Nếu bên bán không thực hiện việc chuyển nhượng thì bên bán phải bồi thường cọc gấp 02 lần. Nhưng đến nay đã lâu bà L không làm thủ tục chuyển nhượng đất cho tôi. Nay tôi yêu cầu bà L phải trả số tiền nhận cọc và trả lãi cho tôi từ thời gian vi phạm cho đến nay với lãi suất là 14%/01 năm.

Khi ký hợp đồng đặt cọc thông qua người môi giới là Đoàn Văn Tiến, Tiến chuyển qua zalo cho tôi trích đo thửa đất nên tôi tin tưởng. Hiện nay không còn trên máy vì thời gian đã lâu.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: Tôi thừa nhận có lập hợp đồng đặt cọc ngày 24/4/2022 với bà Lương Thị P. Theo hợp đồng đặt cọc tôi có nhận của bà P số tiền 300.000.000 đồng nhằm mục đích chuyển nhượng cho bà P thửa đất thửa số 172, tờ bản đồ số 28, diện tích 296m^2, tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện T với giá trị: 1.340.000.000 đồng. Sau khi nhận cọc của bà P tôi có mang đi đặt cọc cho ông Võ Văn T, sinh năm: 1989, tú tại: Khu phố 7, thị trấn H, huyện T số tiền 400.000.000 đồng nhằm mục đích chuyển nhượng thửa đất nêu trên và sau đó tôi chuyển nhượng lại cho bà P. Tuy nhiên, khi thực hiện thì thửa đất nêu trên không làm thủ tục được vì có tranh chấp và quy hoạch từ đất lúa. Nay bà P yêu cầu đòi cọc và tính lãi thì hiện nay tôi cũng đang khởi kiện ông T tại Tòa án Thăng Bình. Sau khi ông T trả tiền cho tôi thì tôi sẽ trả tiền cho bà P và tôi đề nghị bà P không tính lãi.

- Ông Tiến có ý kiến: Việc hợp đồng đặt cọc giữa bà L và bà P là do tôi lập giúp và tôi xác nhận bà L có nhận của bà P số tiền 300.000.000 đồng. Để làm căn cứ lập hợp đồng đặt cọc, phía bên bà L có ông Hứa Trung Quân, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn Ngọc Sơn Đông, xã Bình Phục, huyện T (ĐT: 0337022772) chuyển trích đo thửa đất do Công ty Trường Sơn đo. Còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Quân không chuyển. Vì chuyển trên zalo nên hiện nay không còn để cung cấp cho Tòa án.

- Bà P có ý kiến bổ sung: Nay tôi thống nhất không yêu cầu phạt cọc nhưng tính lãi tính từ ngày vi phạm vì tôi phải trả lãi tiền vay ngân hàng. Bà P yêu cầu bà L phải thống nhất khoảng thời gian để trả nếu không thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà L không thống nhất vì hiện nay bà không có khả năng trả tiền và đề nghị đợi kết quả giải quyết vụ kiện của bà với ông T thì mới có thể trả lời với bà P.

NHỮNG NỘI DUNG NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC

- Các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành lập biên bản này để làm cơ sở giải quyết vụ án tiếp theo.

Phiên hòa giải kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2025.

Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải	**Thư ký Tòa án ghi biên bản hòa giải**	**Các đương sự tham gia phiên hòa giải**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP
KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP, TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2024, vào hồi 8 giờ 00 phút.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Bắt đầu tiền hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

I. Những người tiến hành tố tụng:

- Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải: Ông Đặng Phùng Thành
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên hòa giải: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

II. Những người tham gia phiên hòa giải:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị P, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số 62 Trương Thị Xáng, khu phố 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 7, thôn Ngọc Sơn Tây, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG PHIÊN HỌP

- Thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo: Nguyên đơn bà P, bị đơn bà L có mặt.

- Thẩm phán chủ trì phiên họp kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên họp.

- Thẩm phán chủ trì phiên họp phổ biến cho các đương sự biết các quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ trì phiên họp tiến hành cho các đương sự tiếp cận, công khai các chứng cứ mà nguyên đơn nộp: Hợp đồng đặt cọc (photo không có chứng thực); 01 CCCD; 01 đơn xác nhận; 01 đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không thay đổi gì.

Bị đơn bà L xin cung cấp CCCD sau, hiện nay không mang theo.

Phiên họp kết thúc vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Thẩm phán-Chủ trì phiên họp	***Thư ký Tòa án ghi biên bản họp***	***Các đương sự tham gia phiên họp***

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN T **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH QUẢNG NAM

BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Hôm nay, ngày 22 tháng 11 năm 2024, vào hồi 8 giờ 30 phút

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Bắt đầu tiến hành phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lí số: 133/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024

I. Những người tiến hành tố tụng:

- Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải: Ông Đặng Phùng Thành
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên hòa giải: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

II. Những người tham gia phiên hòa giải:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị P, sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số 62 Trương Thị Xáng, khu phố 5, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 7, thôn Ngọc Sơn Tây, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Nhân chứng: Ông Đoàn Văn Tiến, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 8, thôn Vân Tây, xã Bình Triều, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HÒA GIẢI

- Thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo: Nguyên đơn bà P, bị đơn bà L có mặt, ông Tiến có mặt.

- Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hòa giải

- Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lí của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Nguyên đơn bà Lương Thị P trình bày nội dung khởi kiện như sau: Vào ngày 24/4/2022 tôi và bà Nguyễn Thị L có lập hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng cho tôi lô đất thửa số 172, tờ bản đồ số 28, diện tích 296m^2, tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện T với giá trị: 1.340.000.000 đồng. Theo hợp đồng đặt cọc bà L nhận cọc của tôi số tiền 300.000.000 đồng và trong thời gian 180 ngày kể từ ngày 22/4/2022 đến ngày 22/10/2022 bên chuyển nhượng phải thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất tại Văn phòng Công chứng và bên mua phải hoàn trả số tiền còn lại. Nếu bên bán không thực hiện việc chuyển nhượng thì bên bán phải bồi thường cọc gấp 02 lần. Nhưng đến nay đã lâu bà L không làm thủ tục chuyển nhượng đất cho tôi. Nay tôi yêu cầu bà L phải trả số tiền nhận cọc và trả lãi cho tôi từ thời gian vi phạm cho đến nay với lãi suất là 14%/01 năm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau: Tôi thừa nhận có lập hợp đồng đặt cọc ngày 24/4/2022 với bà Lương Thị P. Theo hợp đồng đặt cọc tôi có nhận của bà P số tiền 300.000.000 đồng nhằm mục đích chuyển nhượng cho bà P thửa đất thửa số 172, tờ bản đồ số 28, diện tích 296m^2, tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện T với giá trị: 1.340.000.000 đồng. Sau khi nhận cọc của bà P tôi có mang đi đặt cọc cho ông Võ Văn T, sinh năm: 1989, tú tại: Khu phố 7, thị trấn H, huyện T số tiền 400.000.000 đồng nhằm mục đích chuyển nhượng thửa đất nêu trên và sau đó tôi chuyển nhượng lại cho bà P. Tuy nhiên, khi thực hiện thì thửa đất nêu trên không làm thủ tục được vì có tranh chấp và quy hoạch từ đất lúa. Nay bà P yêu cầu đòi cọc và tính lãi thì hiện nay tôi cũng đang khởi kiện ông T tại Tòa án Thăng Bình. Sau khi ông T trả tiền cho tôi thì tôi sẽ trả tiền cho bà P và tôi đề nghị bà P không tính lãi.

- Ông Tiến có ý kiến: Việc hợp đồng đặt cọc giữa bà L và bà P là do tôi lập giúp và tôi xác nhận bà L có nhận của bà P số tiền 300.000.000 đồng.

- Bà P có ý kiến bổ sung: Nay tôi thống nhất không yêu cầu phạt cọc và không yêu cầu tính lãi. Bà P thống nhất cho bà L trong thời hạn 4 tháng phải trả lại cho bà P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Nếu đến hết ngày 22/3/2025 bà L không trả số tiền 300.000.000 đồng thì phải trả lãi theo quy định pháp luật.

- Bà L không thống nhất vì hiện nay bà không có khả năng trả tiền và đề nghị đợi kết quả giải quyết vụ kiện của bà với ông T thì mới có thể trả lời với bà P.

NHỮNG NỘI DUNG NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC

- Các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành lập biên bản này để làm cơ sở giải quyết vụ án tiếp theo.

Phiên hòa giải kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2024.

Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải	**Thư ký Tòa án ghi biên bản hòa giải**	**Các đương sự tham gia phiên hòa giải**

như sau: Nguyên đơn bà Lương Thị P và bị đơn bà Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận bà Nguyễn Thị L có nhận tiền đặt cọc của bà Lương Thị P số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Bà P thống nhất cho bà L trả số tiền 300.000.000 đồng vào thời gian ngày 22/3/2025. Bà P không yêu cầu phạt cọc và không yêu cầu tính lãi. Nếu đến hết thời gian thỏa thuận nếu bà L không trả số tiền

300.000.000 đồng thì bà L phải chịu trả tiền lãi theo quy định pháp luật cho đến khi trả xong khoản tiền nêu trên.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) bà L phải chịu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2023/DS-ST Ngày: 13/9/2023. V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám

2. Ông Phan Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đoan Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2022/TLST -DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-DS ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh Vân, sinh năm: 1977.

Trú tại: Khối phố 1, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc Đoan, sinh năm: 1966

Trú tại: Tổ 3, Kế Xuyên 2, xã Bình Trung, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Dâng, sinh năm 1977.

Trú tại: Khối phố 1, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;

(Bà Vân, ông Dâng có mặt; ông Đoan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Phan Thị Minh Vân trình bày nội dung khởi kiện tại phiên tòa như sau: Ông Trần Ngọc Đoan, sinh năm 1966, trú tại: Tổ 3, thôn Kế Xuyên 2, xã Bình Trung, huyện T là gười cùng quê với chồng bà và là chỗ thân quen với vợ chồng bà. Vì là người thân quen nên ông Đoan có vay của vợ chồng bà Vân 03 lần cụ thể: Lần 1 vào ngày 07/7/2019 ông Đoan vay số tiền là 200.000.000 đồng; lần 2: Vào ngày 18/8/2019 vay số tiền là: 100.000.000 đồng; lần 3: Vào ngày 24/9/2019 vay số tiền là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng. Ông Đoan thỏa thuận ngoài trả lãi 3% trên một tháng. Hẹn một năm sẽ trả hết số tiền vay nhưng không ghi vào giấy vay. Ông Đoan đã trả lãi được 03 tháng sau đó thì ông Đoan có nói với vợ chồng bà do làm ăn khó khăn và xin trả lãi 01% trên tháng. Ông Đoan trả lãi được 01 tháng thì không trả nữa. Vợ chồng bà đã đến nhà và liên lạc bằng điện thoại nhiều lần nhưng ông Đoan không nghe máy, khi đến nhà thì ông Đoan trốn tránh. Vì vậy, bà Vân khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đoan trả lại số tiền vay 500.000.000 đồng cho vợ chồng bà và bà Vân không yêu cầu tính lãi.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Dâng trình bày: Ông là chồng của bà Vân, vợ chồng ông có cho ông Trần Ngọc Đoan vay tiền với số tiền là 500.000.000 đồng. Mặc dù ông không ký tên vào giấy vay nhưng đây là tiền chung của vợ chồng nên ông thống nhất như yêu cầu của bà Vân. Đề nghị Tòa án buộc ông Đoan trả đủ số tiền vay gốc cho vợ chồng ông và ông thống nhất không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn, ông Trần Ngọc Đoan đã được Tòa án tống đạt trực tiếp cho gia đình, niêm yết và gửi bảo đảm theo đường bưu điện cho ông Đoan các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông Đoan không không tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt không đến tham dự các phiên tòa.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định việc bà Vân có cho ông Đoan vay tiền là có thật. Trong quá trình hòa giải cũng như qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt nhiều lần. Căn cứ các tài liệu, có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Minh Vân buộc ông Trần Ngọc Đoan phải trả cho vợ chồng bà Vân ông Dâng số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà Vân, ông Dâng không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án bà Phan Thị Minh Vân và ông Nguyễn Dâng yêu cầu ông Trần Ngọc Đoan trả cho vợ chồng ông bà số tiền vay gốc chưa trả là 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn ông Trần Ngọc Đoan đăng ký nhân khẩu tại: Tổ 3, Kế Xuyên 2, xã Bình Trung, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Ngọc Đoan đã được Tòa án tống đạt trực tiếp tại gia đình và trụ sở UBND xã Bình Trung và gửi qua bưu điện các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đoan vẫn không đến. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và các căn cứ xem xét đánh giá:

Bà Phan Thị Minh Vân khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc Đoan phải trả số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và bà Vân, ông Dâng không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình vay các bên có ghi giấy vay nợ và có ký tên ghi họ tên. Nguyên đơn bà Vân đã cung cấp giấy vay nợ gốc cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc Đoan không đến tòa để xác nhận số tiền vay và ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành

thu thập các chứng cứ để trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Đoan trong giấy vay nợ.

Tại kết luận giám định số 95/KL-KTHS ngày 28/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận:

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc Đoan trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Ngọc Đoan trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết, ký ra.

Hội đồng xét xử nhận định: Việc ông Trần Ngọc Đoan có vay của vợ chồng bà Phan Thị Minh Vân và ông Nguyễn Dâng số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) là có thật. Thời điểm vay từ ngày 07/7/2019 nhưng không ấn định ngày trả nợ. Theo nguyên đơn bà Vân khai ông Đoan có trả lãi theo thỏa thuận được 04 tháng, 03 tháng đầu là 03% và 01 tháng sau là 01% sau đó thì ông Đoan không trả tiền lãi và gốc đã vay. Bà Vân khai đã nhiều lần đòi lại khoản tiền cho ôngĐoan vay nhưng ông Đoan vẫn không trả cho vợ chồng bà.

Xác định việc giấy vay không có thỏa thuận thời điểm trả nợ nên hợp đồng vay không có kỳ hạn, không có thỏa thuận lãi. Bà Vân đã nhiều lần báo cho ông Đoan về việc đòi lại tài sản nhưng ông Đoan không trả nợ gốc và lãi. Do vậy, bà Vân được quyền đòi lại tài sản cho vay đối với ông Đoan theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

Nay bà Vân ông Dâng yêu cầu Tòa án buộc ông Đoan phải trả số tiền nợ gốc cho vợ chồng ông bà là đúng nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Trần Ngọc Đoan phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị Minh Vân và ông Nguyễn Dâng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Phan Thị Minh Vân và người liên quan ông Nguyễn Dâng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chi phí giám định số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trần Ngọc Đoan phải chịu sô tiền chi phí giám định. Bà Vân đã nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) buộc ông Đoan phải hoàn trả lại số tiền giám định cho bà Vân, ông Dâng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Ngọc Đoan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho số tiền nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại các Điều 144; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Vân số tiền tạm ứng án phí 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006120 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 160; khoản 1 Điều 161; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Minh Vân. Buộc ông Trần Ngọc Đoan phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị Minh Vân ông Nguyễn Dâng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Bà Phan Thị Minh Vân ông Nguyễn Dâng không yêu cầu tính lãi nên không xét.

2. Về chi phí giám định số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) ông Trần Ngọc Đoan phải chịu. Buộc ông Trần Ngọc Đoan phải hoàn trả lại cho bà Phan Thị Minh Vân và ông Nguyễn Dâng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Ngọc Đoan phải chịu số tiền là: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)

Hoàn lại cho bà Phan Thị Minh Vân số tiền tạm ứng án phí 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006120 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *Các bên đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Đặng Phùng Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Hôm nay, ngày 11 tháng 7 năm 2017 vào hồi 9 giờ 00 phút

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Bắt đầu tiến hành phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lí số: 24/2017/DSST ngày 08 tháng 5 năm 2017

I/ Những người tiến hành tố tụng:

- Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải: **Ông Đặng Phùng Thành**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên hòa giải: **Bà Trương Thị Sen**

II/Những người tham gia phiên hòa giải:

- **Nguyên đơn**: Nguyễn Thị Trang, sinh năm: 1988
- **Bị đơn**: Nguyễn Tấn Tiến, sinh năm: 1986

Cùng trú tại: Tổ 1, thôn Hà Bình, xã Bình Minh, huyện T, Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn Tiến có bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm: 1955. Trú tại: Tổ 1, thôn Hà Bình, xã Bình Minh, huyện T, Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Trần Công Tâm, sinh năm: 1988

Trú tại: Tổ 1, thôn Hà Bình, xã Bình Minh, huyện T, Quảng Nam.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HÒA GIẢI

- Thư ký Tòa án báo cáo danh sách những người tham gia phiên hòa giải đã được Tòa án thông báo: nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều có mặt.

- Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hòa giải

- Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lí của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

***Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Trang trình bày**:

Do mâu thuẫn giữa hai bên gia đình trong việc buôn bán nên vào khoảng 7h ngày 03/4/2016 anh Nguyễn Tấn Tiến đã cầm cây sắt $10 qua nhà tôi hăm dọa đánh ba mẹ tôi là ông Nguyễn Tấn Dũng và bà Nguyễn Thị Hoa. Lúc đó, cả tôi, ba mẹ đang xem ti vi và bé Trần Nguyễn Thùy Dung đang nằm chơi trên tấm nệm thì anh Tiến cầm cây sắt xông vào nhà, tôi quay lại thấy nên đẩy ba mẹ tôi đi tránh ra cửa sau thì anh Tiến cầm cây sắt đập mạnh xuống nệm trúng vào vùng bụng của bé Dung, được mọi người can ngăn nên anh Tiến bỏ về. Còn tôi và gia đình đưa bé Dung đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Quảng Nam sau đó chuyển viện ra Bệnh viện phụ sản Đà Nẵng. Nay tôi yêu cầu anh Tiến phải bồi thường các khoản sau:

- Tiền xe: 6.000.000đ
- Tiền khám và các chi phí: 2.880.000đ
- Tiền bồi dưỡng cho bé: 10.000.000đ
- Tiền công lao động cho người nuôi là Trần Công Tâm: 84 ngày x 200.000đ là 16.800.000đ
- Tiền chi phí giám định: 1.215.000đ
- Tiền tổn thất tinh thần cho mẹ 30 tháng lương tối thiểu: 36.300.000đ
- Tiền tổn thất tinh thần cho bé: 20.000.000đ

Tổng cộng là 93.180.000đ (*Chín mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng*).

Tuy nhiên, sự việc xảy ra là ngoài ý muốn nên tôi yêu cầu anh Tiến phải bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho tôi để lo cho bé Trần Nguyễn Thùy Dung với tổng số tiền: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

*** Bị đơn, anh Nguyễn Tấn Tiến trình bày:** Tôi thừa nhận vào tối ngày 03/4/2016 do mâu thuẫn trong việc buôn bán giữa gia đình tôi và gia đình chị Trang nên tôi đã cầm cây sắt $10 qua nhà định đánh ông Dũng và bà Hoa nhưng ông Dũng bà Hoa đã đi tránh, còn lại trong phòng chỉ có tôi và chị Trang. Tôi định đập cây sắt xuống giường để hăm dọa chị Trang nhưng không may trúng vào vùng bụng của bé Dung đang nằm chơi trên nệm. Tôi hoảng quá bỏ về và gia đình chị Trang đưa bé Dung đi cấp cứu tại bệnh viện Quảng Nam và sau đó chuyển viện ra Đà Nẵng. Số tiền chị Trang yêu cầu bồi thường là quá cao, tôi không thống nhất, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bà Nguyễn Thị Xuân đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Tấn Tiến thống nhất phần trình bày của anh Tiến, không bổ sung gì thêm.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Tôi thống nhất phần trình bày của vợ tôi – Nguyễn Thị Trang, không bổ sung gì thêm.

NHỮNG NỘI DUNG NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC

Anh Trần Công Tâm, chị Nguyễn Thị Trang yêu cầu anh Nguyễn Tấn Tiến chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) là khoản bồi thường thiệt hại do sức khỏe bé Trần Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 23/01/2016 bị tổn hại sức khỏe.

Anh Nguyễn Tấn Tiến không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHỮNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI

……
.

Phiên hòa giải kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2017

Thẩm phán – Chủ trì phiên hòa giải	Thư ký Tòa án ghi biên bản hòa giải	Các đương sự tham gia phiên hòa giải